|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD& ĐT QUẢNG YÊN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG MẦM NON HIỆP HÒA**  –––––––––––––––––––– | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| ––––––––––––––––––––––––––––––––––––––– |
|  | *Hiệp Hòa, ngày 3 tháng 11 năm 2021* |

**QUY CHẾ**

**Thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục**

**Năm học 2021 - 2022**

––––––––––––––––––

Căn cứ hướng dẫn số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ điều kiện thực tế và nhu cầu chi, khả năng thu hợp lý để cha mẹ học sinh có thể đồng thuận thực hiện;

Trường Mầm non Hiệp Hòa lập Quy chế thực hiện các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại trường trong năm học 2021-2022 như sau:

**1. Tiền thuê người nấu ăn bán trú**:

- Số người nấu ăn cho học sinh:

670 học sinh : 50 HS/người nấu = 13 người nấu

- Căn cứ theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 quy định mức lương tối thiểu vùng, dự kiến kinh phí thuê nấu ăn là:

13 người nấu x 3900.000đ/người nấu = 50.700.000đ

**2. Quản lý học sinh trong giờ bán trú - Đón sớm trả muộn**

- Theo quy định thời gian Quản lý học sinh trong giờ bán trú trong ngày từ 7h30 đến 16h30p (Sáng từ 7h30p đến 12h; Chiều từ 13h đến 16g30p) là : 01 giờ.

- Thời gian đón sớm trả muộn buổi sáng đón trẻ từ 7h15p; Buổi chiều trả trẻ muộn đến 16h45p là: 0,5 giờ.

Như vậy thời gian thực tế Quản lý học sinh trong giờ bán trú - Đón sớm trả muộn của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, y tế của nhà trường là: 1,5 giờ/ ngày. Vận dụng mức chi trả theo chế độ làm thêm giờ quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 4 Thông tư số 07/2013/TTLT-BGD ĐT-BNV-BTC ngày 8/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính. Dự toán chi như sau:

- Chi cho giáo viên:

32 GV x 56.000đ/giờ x 1,5 giờ/ngày x 22ngày/tháng = 59.136.000đ/tháng

- Chi cho quản lý:

01 người x 93.800đ/giờ x 1,5 giờ/ngày x 22ngày/tháng = 3.095.400đ/tháng

01 người x 75.800đ/giờ x 1,5 giờ/ngày x 22ngày/tháng = 2.501.400đ/tháng

01 người x 75.800đ/giờ x 1,5 giờ/ngày x 22ngày/tháng = 2.501.400đ/tháng

- Chi cho thủ quỹ: 01 người x 38.000đ/ giờ x 10 giờ = 380.000đ/tháng

- Chi cho Kế toán: 01 người x 54.000đ/giờ x 28 giờ = 1.512.000đ/tháng

- Chi cho Y tế:

01 người x 46.000đ/giờ x 1,5 giờ/ngày x 22ngày/tháng = 1.518.000đ/tháng

- Chi tiền điện: 560 Kw x 1.948đ = 1.090.880đ/ tháng

- Chi nộp tiền nước máy: 60 m3 x 11.760 = 705.600đ

- Nộp thuế (2% = Tổng doanh thu tháng: 1,02 x 2% ): 1.478.400.đ/tháng

**\*. Ghi chú:** *Tùy theo tình hình thực tế nhà trường đã phân lớp (Theo định mức (25-30) trẻ mẫu giáo/1 cô chăm sóc; (20-25) trẻ nhà trẻ/2 cô chăm sóc ngoài giờ). Trong thời gian năm học nếu lớp nào số học sinh nhà trẻ và mẫu giáo huy động ra lớp dư từ 10 trẻ mẫu giáo hoặc 8 trẻ nhà trẻ trở lên thì được tính thêm 1 lần định mức nữa theo quy định.*

**3. Tiền ăn:**

***a. Các chi phí lương thực, thực phẩm:*** Hiện nay trên thị trường thị xã Quảng Yên có cơ sở cung cấp thực phẩm Thái An là cơ sở đang cung cấp thực phẩm cho các đơn vị trường học trên địa bàn thị xã, trong các năm học vừa qua nhà trường đã ký hợp đồng với cơ sở cung cấp thực phẩm Thái An, đây là cơ sở có đầy đủ tư cách pháp nhân và có uy tín về chất lượng dịch vụ trên địa bàn thị xã. Hàng hóa do cơ sở Thái An cung cấp đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, giá cả hợp lý. Do đó, năm học 2021 - 2022 nhà trường tiếp tục thực hiện ký hợp đồng với cơ sở cung cấp thực phẩm Thái An để mua thực phẩm phục vụ học sinh ăn bán trú của nhà trường.

Căn cứ định mức ăn cho học sinh năm học 2020-2021 vừa qua, căn cứ giá cả thực phẩm thực tế trên thị trường thị xã Quảng Yên, căn cứ báo giá của cơ sở Thái An, nhà trường xây dựng định mức ăn cho học sinh năm học 2021 - 2022 như sau:

**\*. *Mức chi tiền*** ***ăn***: ***17.000 đ/ngày/học sinh*** (Độ tuổi mẫu giáo ăn 01 bữa chính và 01 bữa phụ; Độ tuổi Nhà trẻ ăn 01 bữa chính trưa, 01 bữa chính chiều và 01 bữa phụ chiều).

***b. Các chi phí gián tiếp:*** Chất đốt, điện, nước máy, vật dụng tiêu hao như: Nước rửa bát, xà phòng,……

**\*. *Mức chi phí gián tiếp*** ***2.000 đ/ngày/học sinh***

**4. Mua sắm vật dụng phục vụ bán trú** (Bao gồm các vật dụng đồ dùng phục vụ trong nhóm, lớp và đồ dùng nhà bếp)

Căn cứ vào kết quả kiểm kê đồ dùng, dụng cụ, vật tư phục vụ bán trú đầu năm học để xây dựng danh mục, dự toán kinh phí mua sắm bổ sung.

**\*. *Mức chi dự kiến***: ***50.000.000 đ/năm học***

**5. Học tiếng Anh**

a. Chi trả cho 22%):

- Chi cho quản lý:

01 người x 93.800đ/giờ x 5giờ/tháng = 469.000đ/tháng

01 người x 75.800đ/giờ x 5 giờ/tháng = 379.000đ/tháng

01 người x 75.800đ/giờ x 5 giờ/tháng = 379.000đ/tháng

- Y tế: 01 người x 46.000đ/giờ x 3 giờ/tháng = 138.000đ/ tháng

- Kế toán: 01 người x 54.000đ/giờ x 3,0 giờ/tháng = 162.000đ/tháng

- Chi quản lý lớp: 03 người x 6 giờ x 56.000đ = 1.008.000đ/ tháng

- Chi tiền điện: 190 Kw x 1.948đ = 176.000đ/ tháng

- Chi tiền nước máy: 10 m3 x 11.760 = 117.600đ

- Sửa chữa cơ sở vật chất không quá 5% : 332.800đ/tháng

- Nộp thuế (2%): 332.800đ/tháng

***6. Chi phí tổ chức dịch vụ ngày thứ 7***

- Chi thù lao cho giáo viên trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ ngày thứ 7 (80%):

+ 8 cô x 280.000đ/ ngày = 2.240.000đ/ ngày

- Chi khác (20%) trong 1 ngày:

+ Chi cho công tác quản lý: 1 người x 200.000đ/ ngày = 200.000 đ /ngày

+ Chi cho kế toán, y tế: 1 người x 200.000đ/ ngày = 200.000 đ/ ngày

+ Chi nộp thuế (2%): = 54.347đ

+ Chi tiền điện (5kw x 1.948đ) : = 9.740đ

+ Chi tiền nước (1 m3 x 11.760đ): = 11.760đ

***\*. Ghi chú***: Do đặc thù của cấp học Mầm non. Nếu có sự tăng hoặc giảm số lượng trẻ tham gia đăng ký chăm sóc, giáo dục trẻ ngày thứ 7 thì nhà trường sẽ điều chỉnh mức chi cho phù hợp theo sĩ số trẻ trên nguyên tắc thu đủ, chi đủ, quyết toán công khai

***a. Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ ngày thứ 7:***

Mức chi tối thiểu cho giáo viên trực tiếp giảng dạy 100.000đ/ ngày; Tối đa không quá 646.000đ/ ngày

***b. Chi trả người quản lý dịch vụ:***

Mức chi tối đa không quá 855.000đ/người/ngày.

Mọi thành viên trong nhà trường chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy chế này. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được thực hiện đúng theo quy trình xây dựng và ban hành quy chế mới.

Quy chế này đã được thảo luận tại Hội đồng nhà trường và được 100% CB,GV nhà trường nhất trí thông qua, có sự chuẩn y của Hiệu trưởng tại cuộc họp Hội đồng nhà trường vào ngày 06 tháng 11 năm 2021.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận :***  - BGH  - Kế toán  - Thủ quỹ  - Lưu VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Phạm Thị Thanh Vân** |